

Bản án số: 547/2021/DS-ST

Ngày: 09/12/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1096/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 191/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT

Trụ sở: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trường A, địa chỉ N, Phường BT, Quận U, Thành phố Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 429A/2021/GUQ-CNBT ngày 07/12/2021). Ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trọng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường Đ, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

( Bị đơn ông T vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT có ông Hoàng Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/7/2016, ông Trần Trọng T có ký Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – Chi nhánh BT (gọi tắt Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T thực hiện các giao dịch từ tháng 8/2016 đến ngày 05/8/2019 với số tiền là 87.851.604 đồng. Thời hạn thanh toán vào ngày 05 hàng tháng ông T phải thanh toán tổng số tiền đến hạn theo thông báo giao dịch thẻ gửi cho ông T. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT về chi tiết lãi, phí được nêu trong tóm tắt sao kê. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 80.742.559 đồng. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng trừ phí lãi trước, giao dịch sau thì ông T còn nợ số tiền 27.575.420 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 06/3/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 27.575.420 đồng sang nợ quá hạn tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 13/5/2021, ông T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 27.575.420 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/3/2020 tạm tính đến ngày 13/5/2021 số tiền 10.149.087 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả ngay số tiền nêu trên 1 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Từ 14/5/2021, ông T phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán hết cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả nợ Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp và Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông T và Ngân hàng không biết ông T có vợ hay không và nếu ông T có vợ thì cũng không yêu cầu vợ của ông T cùng có trách nhiệm với ông T giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông T không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trường A ngày 07/12/2021 thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Trần Trọng T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền 41.103.700 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 365480-5425 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/7/2016 gồm: Nợ gốc 26.539.624 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 06/3/2020 đến ngày 09/12/2021 với mức lãi suất 2.55%/tháng số tiền là 14.564.076 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Do tháng 5/2020 ông T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.035.796 đồng nên ông T còn nợ số tiền 26.539.624 đồng so với đơn khởi kiện yêu cầu số tiền 27.575.420 đồng.

- Bị đơn ông Trần Trọng T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện ông Trần Trọng T trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/7/2016 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Anh Trần Trọng T, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại Đ, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế vắng mặt tại địa phương từ năm 2018.*”.

[1.3] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/7/2016 thì tại phần thông tin cá nhân ông Trần Trọng T cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ hộ khẩu, địa chỉ ở hiện tại Đ, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới

cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T có địa chỉ tại số 218 Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn ông T được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Đại diện nguyên đơn ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Trần Trọng T trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tổng số tiền 41.103.700 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 365480-5425 gồm: Nợ gốc 26.539.624 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 06/3/2020 đến ngày 09/12/2021 với mức lãi suất 2,55%/tháng số tiền là 14.564.076 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/7/2016 của ông T đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT thì ông T được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 30.000.000 đồng với số thẻ 356480-5425.

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.”* và tại khoản 1

Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*”; Tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: Các quy định về cấp tín dụng qua thẻ “*2. Số tiền đang thấu chi, số tiền đang vay tín dụng của một khách hàng nằm trong giới hạn cho vay đối với khách hàng đó theo quy định hiện hành của pháp luật.*”

*Dư nợ thấu chi qua thẻ, dư nợ tín dụng qua thẻ được tính vào tổng mức dư nợ cho vay chung của TCPHT.*

3. Thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác liên quan đến việc cấp tín dụng thực hiện theo thỏa thuận giữa TCPHT và chủ thẻ và không trái các quy định của pháp luật.” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.*”;

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT quy định tại khoản 1.9 Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: “*Dư nợ thẻ gọi tắt là dư nợ là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ*”, tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: “*... Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ...*”, tại Điều 18 quy định về phương thức thanh toán như sau: “*Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...*”, tại Điều 19 về số tiền thanh toán như sau: “*Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...*”, tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau: “*Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.*”, và tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: “*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...*”, thì đối chiếu tóm tắt bản sao kê của ông T số thẻ 356480-5425 thể hiện ông T giao dịch từ ngày 05/8/2016 cho đến 06/3/2020 thì còn dư nợ số

tiền 27.575.420 đồng, ngày 05/5/2020 ông T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.035.796 đồng được Ngân hàng trừ vào dư nợ nên ông T còn nợ số tiền 26.539.627 đồng. Từ ngày 05/5/2020 cho đến nay ông T không thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông T phải trả nợ số tiền 26.539.627 đồng đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

## [2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

*2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”*

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng qui định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: *“Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.”* và tại Điều 23 về vi phạm như sau: *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...*

*Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:*

*- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.*

*- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định*

*của Đơn vị phát hành thẻ ...”.* Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 06/3/2020 và chuyển nợ quá hạn đối với nợ gốc số tiền 26.539.627 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Quyết định số 4274 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam quy định mức lãi suất trong hạn là 1,7% tháng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T trả tổng số tiền lãi quá hạn là 14.564.076 đồng, với mức lãi suất quá hạn là 2,55% tháng của số tiền 26.539.627 đồng tính từ ngày 06/3/2020 đến ngày 09/12/2021 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được chấp nhận số tiền là 2.055.185 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 3 và khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT.

Buộc ông Trần Trọng T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền là 41.103.700 đồng gồm: Nợ gốc 26.539.624 đồng và lãi quá hạn

tính từ ngày 06/3/2020 đến ngày 09/12/2021 số tiền 14.564.076 đồng của thẻ tín dụng số thẻ 356480-5425 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/7/2016. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Trọng T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền 26.539.624 đồng của thẻ tín dụng số thẻ 356480-5425 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/7/2016 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trọng T phải chịu 2.055.185 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 696.417 đồng theo biên lai thu tiền số 0032581 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT và bị đơn ông Trần Trọng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nhàn**